UBND XÃ HIỆP ĐỨC
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 747/QĐ-PVHXH

Hiệp Đức, ngày 05 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách 09 tháng đầu năm 2026 của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Đức

TRƯỞNG PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI XÃ HIỆP ĐỨC

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ tài chính;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Hiệp Đức về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 09 tháng đầu năm 2026 của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Đức.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 09 tháng đầu năm 2026 của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Đức *(Chi tiết theo biểu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ, công chức của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Đức căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- UBND xã (báo cáo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

Q. TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI
X. HIỆP ĐỨC - T.P ĐÀ NẴNG

Lê Thị Hồng Huệ

uyenpt1 - 09/10/2026 08:31:55 - uyenpt1 - uyenpt1 - uyenpt1 - uyenpt1

Đơn vị: Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Đức

Chương: 832

Mẫu biểu số 75

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH

(09 THÁNG)

(Kèm theo Quyết định số 747/QĐ-PVHXH ngày 05/10/2026 của Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Đức)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Phòng Văn hóa - Xã hội xã Hiệp Đức công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 3/6/9 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**50.053.575.387**	**36.659.241.314**	**73,24**	**43,49**
1	**Chi quản lý hành chính**	**9.086.037.887**	**6.425.521.263**	**70,72**	**208,84**
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	3.573.081.887	1.919.719.262	53,73	31,39
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	5.512.956.000	4.505.802.001	81,73	284,44
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**658.500.000**	**112.292.162**	**17,05**	
2.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
2.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	658.500.000	112.292.162	17,05	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo**	**649.444.000**	**439.459.000**	**67,67**	
3.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	200.000.000	90.015.000	45,01	0,00
3.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	449.444.000	349.444.000	77,75	0,00
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	**2.964.747.000**	**2.024.708.700**	**68,29**	
4.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	10.390.000	10.380.000	99,90	0,00
4.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	2.954.357.000	2.014.328.700	68,18	0,00
5	**Chi bảo đảm xã hội**	**13.981.048.500**	**10.033.331.750**	**71,76**	**25,17**
5.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	157.244.200	75.150.000		
5.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	13.823.804.300	9.958.181.750	72,04	**25,36**
6	**Chi hoạt động kinh tế**	**314.050.000**	**114.050.000**	**36,32**	
6.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
6.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	314.050.000	114.050.000	36,32	
7	**Chi sự nghiệp văn hóa - thông tin**	**116.990.000**	**70.000.000**	**59,83**	
7.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				0,00

7.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	116.990.000	70.000.000	59,83	
8	**Chi khác**	**16.686.000**	**16.686.000**		
7.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
7.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	16.686.000	16.686.000		
9	**Chi bảo đảm xã hội (KP thực hiện pháp lệnh ưu đãi Người có công)**	**22.266.072.000**	**17.423.192.439**	**78,25**	**18,31**
9.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ				
9.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	22.266.072.000	17.423.192.439	78,25	18,31

Ngày 06 tháng 10 năm 2026

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)

Lê Thị Hồng Huệ

uyenpt1 - 09/10/2026 08:32:39 - uyenpt1 - uyenpt1 - uyenpt1